

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2018/HNGĐ-ST.**

Ngày: 27/11/2018.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Quốc Huy.

2. Ông Thiệu Hoàng Mới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 404/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11/10/2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2018/QĐST-DS, ngày 21/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị P; Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Phan Hoàng A; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Bà và ông A kết hôn với nhau năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 23/03/2017. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông A có người phụ nữ khác, không lo lắng cho vợ con, nên thường xuyên cãi vả qua lại, ông A bỏ nhà ra đi từ năm 2014 và ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên

có gặp nhau giải quyết nhưng không thành và ông bà không có gặp nhau để bàn bạc về hôn nhân. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông A.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 02 con chung là cháu Phan Thanh H, sinh ngày 03/01/2001 hiện nay cháu đang sống chung với bà P và cháu Phan Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/02/2014 hiện nay sống với ông A. Nếu ly hôn, cháu H muốn sống với ai thì người đó nuôi; ông A nuôi cháu T và không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Phan Hoàng A: Kể từ khi thụ lý, ông A không trả lời Thông báo thụ lý của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, đồng thời không có ý kiến gì.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2018, cháu H khai: Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với mẹ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Phan Thanh H cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phan Nguyễn Anh T cho Phan Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Hoàng A là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Hoàng A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Phan Hoàng A tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện năm 2000, không ai ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông A có người phụ nữ khác, không lo lắng cho vợ con, nên thường xuyên cãi vã qua lại, ông A bỏ nhà ra đi từ năm 2014 và ông bà đã sống ly thân từ năm 2014

cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên có gặp nhau giải quyết nhưng không thành và ông bà không có gặp nhau để bàn bạc về hôn nhân cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải nhiều lần và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để ông bà hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà P kiên quyết ly hôn với ông A và tại biên bản lấy khai ngày 05/11/2018, ông Phan Văn H1 là cha ruột của ông A khai “P và A không thể nào hàn gắn lại được, vì hiện nay ông A có người phụ nữ khác, không lo lắng cho vợ con, gia đình hai bên có hòa giải cho hai bên hàn gắn lại nhiều lần, hiện nay tính nào tất ấy nên gia đình hai bên không có khả năng hòa giải nữa” và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Phan Hoàng A.

[3] Về con chung: Theo giấy khai sinh và các lời khai của bà P cũng như tại tòa thì bà P thừa nhận bà và ông Phan Hoàng A có 02 người con chung là cháu H và cháu T. Nếu ly hôn thì nguyện vọng cháu H muốn sống với ai thì người đó; còn cháu T thì giao cho ông A nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**, Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2018, cháu H khai: Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với mẹ và tại biên bản lấy khai ngày 05/11/2018, ông Phan Văn H1 là cha ruột của ông A khai “ nếu P và A ly hôn thì theo ông, nguyện vọng cháu H muốn sống với thì người đó nuôi; còn cháu T thì tiếp tục sống với ông A là phù hợp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của cháu và sự thỏa thuận của bà P, nên cần thiết giao cháu H cho bà P nuôi dưỡng là đúng nguyện vọng của cháu; còn cháu T tiếp tục giao cho ông A nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con và ông A không cung cấp lời khai. Xét thấy, bà P không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi cháu H và bà cũng không cấp dưỡng nuôi cháu T là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông A và bà P không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị định án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị P chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao

cháu H cho bà Nguyễn Thị P và giao cháu T cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Phan Hoàng A.

2. Về con chung:

Giao cháu Phan Thanh H, sinh ngày 03/01/2001 cho bà Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; ông Phan Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con, vì bà P không yêu cầu.

Giao cháu Phan Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/02/2014 cho ông Phan Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con, vì ông A không có ý kiến.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông A và bà P không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004311, ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Phan Hoàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phan Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (PGĐKT),
- VKSND huyện K,
- Chi cục THADS huyện K,
- Các bên đương sự,
- UBND xã X,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng